BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THANH HOÁ
HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CDNN VIÊN CHỨC NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 605/TB-HĐXTH

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO
Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II, từ hạng IV lên hạng III Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa năm 2025

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 366/KH-BVPS ngày 21/5/2025 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa về việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-BVPS ngày 30/6/2025 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa về việc thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II, từ hạng IV lên hạng III Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-BVPS ngày 04/8/2025 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa về việc công nhận kết quả xét kỳ thăng hạng danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II, từ hạng IV lên hạng III Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa năm 2025;

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thông báo kết quả xét thăng hạng danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II, từ hạng IV lên hạng III năm 2025 như sau:

1. Số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng CDNN viên chức: 78 chỉ tiêu, gồm:

- Điều dưỡng hạng IV lên Điều dưỡng hạng III: 50 chỉ tiêu
- Kỹ thuật y hạng IV lên Kỹ thuật y hạng III: 05 chỉ tiêu
- Dược hạng IV lên Dược sĩ (hạng III): 06 chỉ tiêu
- Bác sĩ hạng III lên Bác sĩ chính (hạng II): 12 chỉ tiêu
- Điều dưỡng hạng III lên Điều dưỡng hạng II: 03 chỉ tiêu

- Dược sĩ (hạng III) lên Dược sĩ chính (hạng II): 01 chỉ tiêu
- Kế toán viên (hạng III) lên Kế toán viên chính (hạng II): 01 chỉ tiêu

2. Kết quả xét thăng hạng:

2.1. Số lượng viên chức đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định: 106 người, trong đó:

- Điều dưỡng hạng IV lên Điều dưỡng hạng III: 63 người
- Kỹ thuật y hạng IV lên Kỹ thuật y hạng III: 05 người
- Dược hạng IV lên Dược sĩ (hạng III): 06 người
- Bác sĩ hạng III lên Bác sĩ chính (hạng II): 28 người
- Điều dưỡng hạng III lên Điều dưỡng hạng II: 02 người
- Dược sĩ hạng III lên Dược sĩ chính (hạng II): 01 người
- Kế toán viên (hạng III) lên Kế toán viên chính (hạng II): 01 người

(Có danh sách kèm theo)

2.2. Số lượng viên chức không đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định: Không có

3. Số lượng viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức: 77 người, trong đó:

- Thăng hạng lên chức danh Điều dưỡng hạng III: 50 người
- Thăng hạng lên chức danh Kỹ thuật y hạng III: 05 người
- Thăng hạng lên chức danh Dược sĩ (hạng III): 06 người
- Thăng hạng lên chức danh Bác sĩ chính (hạng II): 12 người
- Thăng hạng lên chức danh Điều dưỡng hạng II: 02 người
- Thăng hạng lên chức danh Dược sĩ chính (hạng II): 01 người
- Thăng hạng lên chức danh Kế toán viên chính (hạng II): 01 người

(Có danh sách kèm theo)

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa năm 2025 trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Các khoa, phòng (để T/B);
- Website, Bảng tin BV(để T/B);
- Các thành viên HĐXTH;
- Ban Giám sát xét thăng hạng;
- Lưu: VT, TCCB.

TM. HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

BỆNH VIỆN PHỤ SẢN

TRƯỞNG PHÒNG TCCB
Vũ Thị Phương

BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THANH HÓA
HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG
CDNN VIÊN CHỨC NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II, TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THANH HÓA NĂM 2025
XẾP THEO THỨ TỰ A - B - C

(Kèm theo Thông báo số: 605/TB-HĐXTH ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I	**Điều dưỡng hạng IV lên Điều dưỡng hạng III**															
1	Bùi Thúy An	08/09/1995		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ III	4 năm 8 tháng	2,41	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
2	Lê Thị Minh Anh	09/12/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
3	Lê Thị Lan Anh	15/08/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Điều trị tự nguyện	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
4	Hoàng Thị Bích	26/02/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
5	Nguyễn Thị Bình	19/05/1987		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ II	12 năm 5 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
6	Vương Thu Chính	15/02/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
7	Nguyễn Thị Chung	04/04/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
8	Nguyễn Văn Đồng	19/11/1988	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Giải phẫu bệnh	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
9	Mai Thị Dung	16/10/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản II	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
10	Nguyễn Thị Dung	22/06/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
11	Nguyễn Thị Dung	20/11/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ III	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
12	Nguyễn Thị Dung	16/08/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ II	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
13	Mai Thị Dung	12/04/1982		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ II	13 năm 5 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
14	Bùi Thị Duyên	10/08/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
15	Nguyễn Thị Thu Hà	01/09/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
16	Hoàng Thị Hà	10/08/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hỗ trợ sinh sản	10 năm 8 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
17	Vũ Thị Hải	27/10/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
18	Nguyễn Thị Hằng	23/02/1975		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	18 năm 7 tháng	4,89	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTXS		V.08.05.12	Đạt
19	Lê Thanh Hằng	11/12/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản I	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN	HTT		V.08.05.12	Đạt
20	Hoàng Thị Hằng	15/11/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ I	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
21	Lê Thị Hiền	20/04/1986		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	12 năm 5 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTXS		V.08.05.12	Đạt
22	Nguyễn Phú Hòa	20/11/1985	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có GPHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
23	Nguyễn Thị Hồng	06/06/1982		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	17 năm 5 tháng	3,96	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
24	Hoàng Minh Khoa	28/08/1990	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTXS		V.08.05.12	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
25	Trịnh Thị Lam	27/11/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
26	Dương Thị Lan	01/08/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
27	Tống Phương Linh	23/12/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Phòng Kế hoạch tổng hợp	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
28	Chu Thị Thanh Loan	21/03/1988		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
29	Nguyễn Thị Thanh Loan	05/03/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
30	Dương Thị Mai	03/08/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
31	Doãn Thị Nga	20/04/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
32	Đỗ Thị Nga	02/04/1983		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	12 năm 2 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
33	Trần Thị Nga	29/05/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản phụ	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
34	Nguyễn Thị Ngát	19/07/1981		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
35	Lê Thị Nguyên	20/09/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản II	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
36	Lê Khắc Nguyện	18/02/1989	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có GPHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
37	Nguyễn Thị Nguyệt	09/02/1993		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản II	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
38	Nguyễn Thị Nguyệt	30/08/1988		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ I	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
39	Lê Thị Nhàn	03/02/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Điều trị tự nguyện	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
40	Phạm Thị Oanh	17/10/1983		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	13 năm 5 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
41	Nguyễn Thị Phương	05/09/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản II	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
42	Trịnh Thị Thu Phương	24/02/1984		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Khám bệnh	13 năm 5 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
43	Trịnh Thị Phượng	22/10/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
44	Nguyễn Thị Quỳnh	02/03/1983		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Khám bệnh	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
45	Lê Thị Quỳnh	06/05/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
46	Trần Thị Tâm	27/05/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
47	Nguyễn Thị Tâm	14/01/1995		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ II	4 năm 8 tháng	2,41	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
48	Nguyễn Thị Thắm	14/03/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Điều trị tự nguyện	5 năm 5 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
49	Đỗ Thị Hồng Thanh	03/03/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
50	Phạm Hữu Thành	20/10/1992	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN	HTT		V.08.05.12	Đạt
51	Đỗ Thị Thảo	30/10/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
52	Trịnh Thị Thi	12/06/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
53	Nguyễn Thị Thu	17/07/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
54	Trần Thị Thương	02/11/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản phụ	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
55	Nguyễn Thị Thúy	12/04/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản I	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
56	Đỗ Thị Minh Thúy	16/06/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ II	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
57	Trương Thị Thủy	05/11/1993		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Phòng Điều dưỡng	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
58	Lê Thị Thủy	10/05/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản III	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
59	Nguyễn Thị Thu Trang	30/10/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
60	Hồ Thị Trang	02/12/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hỗ trợ sinh sản	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
61	Lê Văn Trường	05/03/1988	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
62	Lê Ngọc Tùng	26/10/1989	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Thăm dò chức năng	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
63	Lê Thị Tuyến	30/06/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ II	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
II	**Kỹ thuật y hạng IV lên Kỹ thuật y hạng III**															
1	Nguyễn Thị Hải	01/06/1989		x	Kinh	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Xét nghiệm	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Có GPHN KCB	HTT		V.08.07.18	Đạt
2	Nguyễn Anh Hoa	10/10/1987		x	Kinh	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Xét nghiệm	12 năm 5 tháng	3,34	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Có GPHN KCB	HTT		V.08.07.18	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
3	Lê Thị Huyền	18/12/1991		x	Kinh	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Xét nghiệm	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Có GPHN KCB	HTT		V.08.07.18	Đạt
4	Ngũ Thị Thiên Lý	20/08/1991		x	Kinh	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Xét nghiệm	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Có GPHN KCB	HTT		V.08.07.18	Đạt
5	Nguyễn Thị Xuân	02/06/1993		x	Kinh	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Xét nghiệm	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Có GPHN KCB	HTT		V.08.07.18	Đạt
III	**Dược hạng IV lên Dược sĩ (hạng III)**															
1	Lê Thị Bích Hằng	25/10/1979		x	Kinh	Dược hạng IV	Phòng VTTBYT	17 năm 11 tháng	3,65	V.08.08.23	Dược sĩ	Có CCHN Dược	HTT		V.08.08.22	Đạt
2	Nguyễn Thị Hoa	26/08/1973		x	Kinh	Dược hạng IV	Phòng VTTBYT	25 năm 1 tháng	4,27	V.08.08.23	Dược sĩ	Có CCHN Dược	HTT		V.08.08.22	Đạt
3	Nguyễn Thị Mận	25/05/1983		x	Kinh	Dược hạng IV	Phòng VTTBYT	12 năm 5 tháng	3,34	V.08.08.23	Dược sĩ	Có CCHN Dược	HTT		V.08.08.22	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
4	Phan Thị Nga	17/03/1992		x	Kinh	Dược hạng IV	Phòng VTTBYT	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.08.23	Dược sĩ	Có CCHN Dược	HTT		V.08.08.22	Đạt
5	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	09/09/1985		x	Kinh	Dược hạng IV	Khoa Dược	12 năm 5 tháng	3,34	V.08.08.23	Dược sĩ	Có CCHN Dược	HTT		V.08.08.22	Đạt
6	Đỗ Thị Hoài Thu	04/08/1974		x	Kinh	Dược hạng IV	Khoa Dược	27 năm 5 tháng	4,58	V.08.08.23	Dược sĩ	Có CCHN Dược	HTT	x	V.08.08.22	Đạt
IV	**Bác sĩ hạng III lên Bác sĩ chính (hạng II)**															
1	Trần Văn Chung	27/03/1969	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Xét nghiệm	16 năm 3 tháng	4,32	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
2	Cao Thị Dung	08/03/1983		x	Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Hỗ trợ sinh sản	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.01.03	Thạc sỹ y học	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
3	Phạm Ngọc Dũng	16/03/1984	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Sản phụ	11 năm	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTT	x	V.08.01.02	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
4	Bùi Văn Dũng	14/05/1979	x		Mường	Bác sĩ hạng III	Khoa Phụ I	17 năm 8 tháng	4,32	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
5	Nguyễn Văn Đồng	10/10/1986	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Phòng Kế hoạch tổng hợp	13 năm 7 tháng	3,66	V.08.01.03	Thạc sỹ y học	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
6	Trịnh Thị Hằng	11/01/1987		x	Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	10 năm 3 tháng	3,33	V.08.01.03	Thạc sỹ GMHS	Có CCHN KCB	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
7	Đỗ Thị Quỳnh Hoa	29/09/1976		x	Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa X quang	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
8	Nguyễn Phú Hoằng	10/11/1985	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Phụ III	13 năm 7 tháng	3,66	V.08.01.03	Thạc sỹ y học	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
9	Trịnh Thị Hồng Huế	13/12/1983		x	Kinh	Bác sĩ hạng III	Phòng Quản lý chất lượng	13 năm 7 tháng	3.99	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
10	Lê Minh Hùng	15/08/1984	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Sản I	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
11	Hắc Ngọc Hùng	15/05/1985	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Sản phụ	11 năm	3,66	V.08.01.03	Thạc sỹ y học	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
12	Lê Kim Hưởng	17/11/1977	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	17 năm 1 tháng	4,32	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
13	Nguyễn Quốc Khánh	01/05/1985	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
14	Lê Văn Khiêm	01/07/1987	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Phụ II	11 năm	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
15	Trần Võ Lâm	12/11/1981	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Phụ II	13 năm 7 tháng	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
16	Nguyễn Thành Long	02/06/1987	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	11 năm	3,66	V.08.01.03	Thạc sỹ y học	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
17	Nguyễn Viết Nam	09/09/1983	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Sản II	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.01.03	Thạc sỹ y học	Có CCHN KCB	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
18	Nguyễn Thị Nga	20/11/1986		x	Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Phụ III	13 năm 7 tháng	3,66	V.08.01.03	Thạc sỹ y học	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTT	x	V.08.01.02	Đạt
19	Trần Thị Nhung	08/05/1982		x	Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Phụ III	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
20	Nguyễn Đình Quảng	05/03/1986	x		Mường	Bác sĩ hạng III	Phòng Công tác xã hội	11 năm	3,66	V.08.01.03	Thạc sỹ y học	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
21	Võ Văn Sơn	27/08/1985	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	13 năm	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CCHN KCB	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
22	Lê Đức Sơn	12/09/1979	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Sản III	19 năm 11 tháng	4,65	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
23	Trịnh Hoài Nam Sơn	07/09/1985	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Điều trị tự nguyện	11 năm	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CCHN KCB	HTT	x	V.08.01.02	Đạt
24	Trần Đình Tài	10/10/1985	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Phòng Quản lý chất lượng	11 năm	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
25	Đặng Hồng Thái	12/10/1987	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Phòng Công tác xã hội	11 năm	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
26	Trương Ngọc Thiên	20/11/1970	x		Mường	Bác sĩ hạng III	Khoa Sản phụ	19 năm 6 tháng	4,65	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
27	Nguyễn Thị Thu Trang	15/09/1987		x	Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Hỗ trợ sinh sản	11 năm	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CCHN KCB	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
28	Trương Văn Tuyên	19/12/1980	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Thăm dò chức năng	19 năm 2 tháng	4,32	V.08.01.03	Thạc sỹ sản phụ khoa	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
V	**Điều dưỡng hạng III lên Điều dưỡng hạng II**															
1	Lê Thị Hợp	04/09/1982		x	Kinh	Điều dưỡng hạng III	Khoa Phụ III	12 năm 2 tháng	4,32	V.08.05.12	Điều dưỡng CKI sản phụ khoa	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Điều dưỡng hạng II	HTXS	x	V.08.05.11	Đạt
2	Lê Thị Cẩm Tú	19/04/1988		x	Kinh	Điều dưỡng hạng III	Phòng Điều dưỡng	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.05.12	Điều dưỡng CKI sản phụ khoa	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Điều dưỡng hạng II	HTXS	x	V.08.05.11	Đạt
VI	**Dược sĩ (hạng III) lên Dược sĩ chính (hạng II)**															
1	Lê Thị Thanh Giang	04/11/1987		x	Kinh	Dược sĩ hạng III	Khoa Dược	13 năm 7 tháng	3,66	V.08.08.22	Dược sĩ CKI	Có CC HN Dược; CC bồi dưỡng CDNN Dược sỹ chính	HTXS	x	V.08.08.21	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
VII	**Kế toán viên (hạng III) lên Kế toán viên chính (hạng II)**															
1	Hoàng Thị Hồng Thủy	10/04/1985		x	Kinh	Kế toán viên	Phòng Tài chính kế toán	13 năm 7 tháng	3,99	06.031	Thạc sỹ kinh tế	Có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng, Chứng chỉ bồi dưỡng ngạch Kế toán viên chính	HTXS	x	06.030	Đạt

Danh sách này có 106 người

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 8 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

BỆNH VIỆN PHỤ SẢN

TRƯỞNG PHÒNG TCCB

Vũ Thị Phương

BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THANH HÓA
HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG
CDNN VIÊN CHỨC NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III, TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THANH HÓA NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số: 605/TB-HĐXTH ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Khoa, phòng công tác	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
I	**Thăng hạng từ Điều dưỡng hạng IV lên Điều dưỡng hạng III: 50 người**								
1	Hoàng Minh Khoa	28/08/1990	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
2	Lê Thị Hiền	20/04/1986	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
3	Vũ Thị Hải	27/10/1989	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
4	Nguyễn Thị Nguyệt	30/08/1988	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Phụ I	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
5	Nguyễn Văn Đồng	19/11/1988	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Giải phẫu bệnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Khoa, phòng công tác	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
6	Nguyễn Thị Hằng	23/02/1975	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
7	Mai Thị Dung	12/04/1982	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Phụ II	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
8	Nguyễn Thị Hồng	06/06/1982	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
9	Phạm Thị Oanh	17/10/1983	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
10	Chu Thị Thanh Loan	21/03/1988	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
11	Nguyễn Thị Dung	16/08/1990	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Phụ II	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
12	Lê Ngọc Tùng	26/10/1989	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Thăm dò chức năng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
13	Nguyễn Thị Bình	19/05/1987	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Phụ II	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
14	Đỗ Thị Hồng Thanh	03/03/1989	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Khoa, phòng công tác	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
15	Nguyễn Thị Dung	22/06/1989	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
16	Lê Thị Nguyên	20/09/1989	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Sản II	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
17	Vương Thu Chính	15/02/1990	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
18	Nguyễn Thị Thanh Loan	05/03/1990	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
19	Bùi Thị Duyên	10/08/1990	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
20	Nguyễn Thị Quỳnh	02/03/1983	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Khám bệnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
21	Đỗ Thị Nga	02/04/1983	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
22	Trịnh Thị Thu Phương	24/02/1984	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Khám bệnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
23	Lê Thị Thủy	10/05/1989	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Sản III	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Khoa, phòng công tác	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
24	Đỗ Thị Thảo	30/10/1989	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
25	Dương Thị Mai	03/08/1990	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
26	Trịnh Thị Phượng	22/10/1990	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
27	Hồ Thị Trang	02/12/1991	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hỗ trợ sinh sản	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
28	Lê Thị Nhàn	03/02/1992	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Điều trị tự nguyện	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
29	Nguyễn Thị Thắm	14/03/1992	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Điều trị tự nguyện	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
30	Hoàng Thị Hằng	15/11/1992	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Phụ I	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
31	Lê Khắc Nguyện	18/02/1989	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
32	Lê Văn Trường	05/03/1988	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Khoa, phòng công tác	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
33	Nguyễn Thị Ngát	19/07/1981	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
34	Trần Thị Nga	29/05/1989	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Sản phụ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
35	Trịnh Thị Lam	27/11/1990	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
36	Tống Phương Linh	23/12/1990	Cử nhân Điều dưỡng	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
37	Nguyễn Thị Chung	04/04/1991	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
38	Đỗ Thị Minh Thúy	16/06/1991	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Phụ II	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
39	Nguyễn Thị Dung	20/11/1991	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Phụ III	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
40	Doãn Thị Nga	20/04/1992	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
41	Nguyễn Thị Thu	17/07/1992	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Khoa, phòng công tác	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
42	Nguyễn Thị Thu Hà	01/09/1992	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
43	Nguyễn Thị Tâm	14/01/1995	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Phụ II	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
44	Phạm Hữu Thành	20/10/1992	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
45	Nguyễn Thị Thu Trang	30/10/1989	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
46	Lê Thị Quỳnh	06/05/1990	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
47	Nguyễn Thị Phương	05/09/1990	Cử nhân điều dưỡng	Khoa Sản II	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
48	Nguyễn Thị Thúy	12/04/1991	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Sản I	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
49	Lê Thị Lan Anh	15/08/1991	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Điều trị tự nguyện	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
50	Mai Thị Dung	16/10/1991	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Sản II	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Khoa, phòng công tác	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
II	**Thăng hạng từ Kỹ thuật y hạng IV lên Kỹ thuật y hạng III: 05 người**								
1	Nguyễn Anh Hoa	10/10/1987	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
2	Nguyễn Thị Hải	01/06/1989	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
3	Ngũ Thị Thiên Lý	20/08/1991	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
4	Lê Thị Huyền	18/12/1991	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
5	Nguyễn Thị Xuân	02/06/1993	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
III	**Thăng hạng từ Dược hạng IV lên Dược sĩ (hạng III): 06 người**								
1	Đỗ Thị Hoài Thu	04/08/1974	Dược sĩ	Khoa Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	
2	Nguyễn Thị Hoa	26/08/1973	Dược sĩ	Phòng Vật tư thiết bị y tế	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	
3	Lê Thị Bích Hằng	25/10/1979	Dược sĩ	Phòng Vật tư thiết bị y tế	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Khoa, phòng công tác	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
4	Nguyễn Thị Mận	25/05/1983	Dược sĩ	Phòng Vật tư thiết bị y tế	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	
5	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	09/09/1985	Dược sĩ	Khoa Dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	
6	Phan Thị Nga	17/03/1992	Dược sĩ	Phòng Vật tư thiết bị y tế	Dược hạng IV	V.08.08.23	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	
IV	**Thăng hạng từ Bác sĩ hạng III lên Bác sĩ chính (hạng II): 12 người**								
1	Cao Thị Dung	08/03/1983	Thạc sỹ y học	Khoa Hỗ trợ sinh sản	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sỹ hạng II	V.08.01.02	
2	Nguyễn Văn Đồng	10/10/1986	Thạc sỹ y học	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sỹ hạng II	V.08.01.02	
3	Lê Kim Hưởng	17/11/1977	Bác sĩ CKI	Khoa Gây mê hồi sức	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sỹ hạng II	V.08.01.02	
4	Trần Võ Lâm	12/11/1981	Bác sĩ CKII	Khoa Phụ II	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sỹ hạng II	V.08.01.02	
5	Hắc Ngọc Hùng	15/05/1985	Thạc sỹ y học	Khoa Sản phụ	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sỹ hạng II	V.08.01.02	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Khoa, phòng công tác	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
6	Phạm Ngọc Dũng	16/03/1984	Bác sĩ CKI	Khoa Sản phụ	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sỹ hạng II	V.08.01.02	
7	Trần Đình Tài	10/10/1985	Bác sĩ CKI	Phòng Quản lí chất lượng	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sỹ hạng II	V.08.01.02	
8	Nguyễn Phú Hoằng	10/11/1985	Thạc sỹ y học	Khoa Phụ III	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sỹ hạng II	V.08.01.02	
9	Đặng Hồng Thái	12/10/1987	Bác sĩ CKI	Phòng Công tác xã hội	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sỹ hạng II	V.08.01.02	
10	Trần Thị Nhung	08/05/1982	Bác sĩ CKII	Khoa Phụ III	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sỹ hạng II	V.08.01.02	
11	Trịnh Thị Hồng Huế	13/12/1983	Bác sĩ CKII	Phòng Quản lí chất lượng	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sỹ hạng II	V.08.01.02	
12	Trần Văn Chung	27/03/1969	Bác sĩ CKI	Khoa Xét nghiệm	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Bác sỹ hạng II	V.08.01.02	
V	**Thăng hạng từ Điều dưỡng hạng III lên Điều dưỡng hạng II: 02 người**								
1	Lê Thị Cẩm Tú	19/04/1988	Điều dưỡng CKI	Phòng Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Điều dưỡng hạng II	V.08.05.11	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Khoa, phòng công tác	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số CDNN hiện giữ	Chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
2	Lê Thị Hợp	04/09/1982	Điều dưỡng CKI	Khoa Phụ III	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Điều dưỡng hạng II	V.08.05.11	
VI	**Thăng hạng từ Dược sĩ (hạng III) lên Dược sĩ chính (hạng II): 01 người**								
1	Lê Thị Thanh Giang	04/11/1987	Dược sĩ CKI	Khoa Dược	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Dược sĩ hạng II	V.08.08.21	
VII	**Thăng hạng từ Kế toán viên (hạng III) lên Kế toán viên chính (hạng II): 01 người**								
1	Hoàng Thị Hồng Thủy	10/04/1985	Thạc sỹ kinh tế	Phòng Tài chính kế toán	Kế toán viên	06.031	Kế toán viên hạng II	06.030	

Danh sách này có 77 người

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 8 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

BỆNH VIỆN PHỤ SẢN

TRƯỞNG PHÒNG TCCB

Vũ Thị Phương